Trung tâm Công báo và Tin học
Văn phòng Ủy ban Nhân dân,
Tỉnh Quảng Ngãi
21.11.2022 13:49:00 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 21/11/2022 11:16:14

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 43 /2022/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và quy định mức miễn tiền thuê đất tại khu vực đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại: Tờ trình số 43/TTr-STC ngày 11 tháng 8 năm 2022, Công văn số 4350/STC-QLGCS ngày 02 tháng 11 năm 2022, kết quả thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 143/BC-STP ngày 09 tháng 8 năm 2022 và ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 309/HĐND-KTNS ngày 08 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về Danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và mức miễn tiền thuê đất tại khu vực đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa;

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chính sách khuyến khích xã hội hóa.

3. Quyết định này không áp dụng đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa.

Điều 2. Danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa và mức miễn tiền thuê đất

Danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa và mức miễn tiền thuê đất (kể từ thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép

chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) theo Phụ lục đính kèm. Đối với dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê thì không được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Định kỳ ba (03) năm một lần, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, thẩm định Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa quy định tại Điều 2 Quyết định này, gửi Sở Tài chính.

2. Trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, giao Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh và mức miễn tiền thuê đất tại khu vực đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PT và TH tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTHphap651.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC

Danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và quy định mức miễn tiền thuê đất tại khu vực đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2022/QĐ-UBND ngày 18 /11/2022 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
I	**Lĩnh vực giáo dục, đào tạo**			
1	Trường mầm non	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	15 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	25 năm	
2	Trường tiểu học	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	15 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	25 năm	
3	Trường trung học cơ sở	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	15 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	25 năm	
4	Trường trung học phổ thông	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	15 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	25 năm	
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	15 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	25 năm	
6	Trung tâm ngoại ngữ - tin học	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	15 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	25 năm	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
II	**Lĩnh vực Văn Hoá**			
1	**Di sản văn hóa**			
1.1	Bảo tàng ngoài công lập	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
1.2	Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
1.3	Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
1.4	Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
2.	**Điện ảnh**			
2.1	Cơ sở sản xuất phim	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
2.2	Cơ sở dịch vụ sản xuất phim	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
2.3	Cơ sở xuất khẩu phim	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
2.4	Cơ sở chiếu phim và video	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
3	**Nghệ thuật biểu diễn**			
3.1	Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
4	**Văn hóa cơ sở**			
4.1	Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
4.2	Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
4.3	Nhà văn hóa ngoài công lập	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
5	**Mỹ thuật nhiếp ảnh và triển lãm**			
5.1	Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
5.2	Vườn tượng	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
5.3	Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
5.4	Bảo tàng nhiếp ảnh ngoài công lập	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
6	**Thư viện**			
6.1	Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
III	**Lĩnh vực thể dục thể thao**			
1	Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
2	Sân thể thao, bao gồm: sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao.	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
3	Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vầy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
4	Nhà tập luyện thể thao	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
5	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
6	Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
7	Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
8	Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
IV	**Lĩnh vực Y tế**			
1	Bệnh viện đa khoa	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	30 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	30 năm	
2	Bệnh viện chuyên khoa	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	25 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	25 năm	
3	Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 20 của Luật người cao tuổi; cơ sở chăm sóc Người khuyết tật quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 47 của Luật người khuyết tật; cơ sở trợ giúp trẻ em quy định tại Luật Trẻ em và Trung tâm công tác xã hội quy định tại Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	30 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
4	Cơ sở cai nghiện ma tuý	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	30 năm	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
5	Cơ sở Bảo trợ xã hội	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
V	**Lĩnh vực Môi trường**			
1	Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
2	Cơ sở xử lý rác thải	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
3	Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải Y tế)	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
4	Cơ sở xử lý chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
5	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
6	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
7	Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
8	Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng, sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường.	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
9	Cơ sở cung cấp nước sạch	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
10	Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
11	Cơ sở hỏa táng, điện táng	Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	

STT	Lĩnh vực	Địa bàn	Thời gian được miễn tiền thuê đất	Ghi chú
VI	**Lĩnh vực Dạy nghề**			
1	Trung tâm dạy nghề	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	
		Thị trấn trực thuộc các huyện	Cả thời gian thuê	
VII	**Lĩnh vực Giám định Tư pháp**	Phường trực thuộc Thành phố, thị xã	Cả thời gian thuê	